

Số: 15/TB-UBND

Đoàn Đào, ngày 06 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai thuyết minh tình hình thực hiện

Dự toán ngân sách xã quý 1 năm 2023

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4266/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Phù Cừ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2023;

Căn cứ vào Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Đoàn Đào về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ vào Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Đoàn Đào về nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công năm 2023;

UBND xã Đoàn Đào thông báo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 1 năm 2023 cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách

- Dự toán HĐND xã giao: 20.441 triệu đồng.
- Thực hiện đến ngày 31/03/2023: 17.192,921 triệu nghìn đồng , đạt 84,11% dự toán.

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

Chi tiết một số khoản thu như sau:

- Thu phí, lệ phí : Dự toán huyện, HĐND xã giao 40 triệu đồng, thực hiện đến 31/03/2023: 9,206 triệu đồng, đạt 23,02% dự toán;
- Thu từ quỹ đất công ích và đất công: Dự toán huyện, HĐND xã giao: 80 triệu đồng, thực hiện đến ngày 31/03/2023 chưa thực hiện.
- Thu phí môn bài: Dự toán huyện và HĐND xã không giao, thực hiện đến 31/03/2023: 14,7 triệu đồng.
- Thuế GTGT-TNDN : Dự toán huyện, HĐND xã giao 52 triệu đồng, thực hiện đến ngày 31/03/2023: 56,542 triệu đồng đạt 108,73% dự toán.

- Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán huyện và HĐND xã giao 128 triệu đồng, thực hiện đến ngày 31/03/2023: 94,435 triệu đồng đạt 73,78% dự toán.

- Lệ phí trước bạ nhà đất: Dự toán huyện và HĐND xã giao 180 triệu đồng, thực hiện đến ngày 31/03/2023: 36,518 triệu đồng đạt 20,29% dự toán.

- Thu bổ sung cân đối từ cấp trên: Dự toán huyện HĐND xã giao: 5.775 triệu đồng, thực hiện đến ngày 31/03/2023 : 912,5 triệu đồng đạt 15,8 % dự toán.

(Chi tiết có phụ lục 02 đính kèm)

2. Chi ngân sách địa phương

- Dự toán HĐND xã giao: 20.441 triệu đồng

- Thực hiện đến ngày 31/03/2023: 859,218 triệu đồng, đạt 4,2% dự toán

a. Chi đầu tư xây dựng cơ bản

- Dự toán HĐND xã giao: 13.902 triệu đồng

- Thực hiện đến 31/03/2023: chưa thực hiện.

b. Chi thường xuyên

- Dự toán HĐND xã giao: 6.539 triệu đồng

- Thực hiện đến ngày 31/03/2023: 859,218 triệu đồng, đạt 13,14% dự toán, cụ thể một số khoản chi như sau:

Chi dân quân tự vệ: Dự toán HĐND xã giao: 158,148 triệu đồng, thực hiện đến 31/03/2023: 22,193 triệu đồng đạt 14,03% dự toán giao.

Chi an ninh trật tự: Dự toán HĐND xã giao: 265,352 triệu đồng, thực hiện đến 31/03/2023: 27,088 triệu đồng đạt 10,21% dự toán giao.

Sự nghiệp y tế: Dự toán HĐND xã giao: 33,078 triệu đồng, thực hiện đến 31/03/2023: 5,587 triệu đồng đạt 16,89% dự toán giao.

Chi quản lý nhà nước đảng, đoàn thể: Dự toán HĐND xã giao: 4.483,029 triệu đồng; thực hiện đến ngày 31/03/2023 là: 758,751 triệu đồng đạt 16,92% dự toán giao.

Chi cho công tác xã hội: Dự toán HĐND xã giao: 169,875 triệu đồng ; thực hiện đến ngày 31/03/2023 là: 42,468 triệu đồng đạt 25% dự toán giao.

(Chi tiết có phụ lục 03 đính kèm)

3. Đánh giá chung, khó khăn vướng mắc

Về thu ngân sách: UBND xã đã chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện nghiêm túc dự toán thu ngân sách, hợp quán triệt tới các thôn tận thu công điền, rà

soát một loạt các hộ cấy công điền nhưng vẫn nợ để thu hồi chuyển sang cho các hộ khác có nhu cầu tránh tình trạng nợ công điền kéo dài. Tuy nhiên vẫn có nhiều hộ nợ tiền công điền thôn chưa thu được, nhiều diện tích công điền xấu không có người thầu, UBND xã đang tìm biện pháp để tận thu tiền công điền đạt hiệu quả cao hơn.

Về chi ngân sách: Thực hiện Nghị quyết của HĐND xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2022, UBND xã đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp quản lý chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo trong phạm vi kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền giao và theo đúng chế độ quy định, giảm bớt các khoản chi dàn trải, bớt gánh nặng cho ngân sách.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ngô Đức Đông

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

(Kèm theo thông báo số: *TB-UBND* ngày tháng 04 năm 2023 của UBND xã Đoàn Đào
ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý I năm 2023
A	B	1	2
I	TỔNG SỐ THU	20.441.000.000	17.192.921.225
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	340.000.000	9.259.768
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	14.326.000.000	13.947.100.529
3	Thu bổ sung	5.775.000.000	912.500.000
	- Thu bổ sung cân đối	5.775.000.000	912.500.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		
4	Thu chuyển nguồn		2.324.060.928
II	TỔNG SỐ CHI	20.441.000.000	859.218.392
1	Chi đầu tư phát triển	13.902.000.000	
2	Chi thường xuyên	6.329.000.000	859.218.392
3	Dự phòng	210.000.000	
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023
(Kèm theo thông báo số TB-UBND ngày tháng 4 năm 2023)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG THU TOÁN		Thực hiện quý I năm 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	20.441.000.000	20.441.000.000	17.192.921.225	17.192.921.225	84,11	84,11
I	Các khoản thu 100%	340.000.000	340.000.000	24.309.185	24.309.185	7,15	7,15
	Phí, lệ phí	40.000.000	40.000.000	9.206.000	9.206.000	23,02	23,02
	Phí môn bài			14.700.000	14.700.000		
	Thuế tài nguyên						
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200.000.000	200.000.000	349.417	349.417	0,17	0,17
	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	80.000.000	80.000.000			0,00	0,00
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			53.768	53.768		
	Các khoản huy động không hoàn lại và đóng góp không hoàn lại						
	Thu khác	20.000.000	20.000.000			0,00	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	14.326.000.000	14.326.000.000	13.932.051.112	13.932.051.112	97,25	97,25
1	Các khoản thu phân chia	14.326.000.000	14.326.000.000	13.932.051.112	13.932.051.112	97,25	97,25
	- Thuế thu nhập cá nhân	128.000.000	128.000.000	94.435.489	94.435.489	73,78	73,78
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	180.000.000	180.000.000	36.518.884	36.518.884	20,29	20,29
	- Lệ phí trước ô tô, xe máy						
	- Thuế GTGT+TNDN	52.000.000	52.000.000	56.542.012	56.542.012	108,73	108,73
	- Thuế tiêu thụ ĐB			4.545.240	4.545.240		
	- Tiền sử dụng đất dôi dư						
	- Tiền sử dụng đất	13.902.000.000	13.902.000.000	13.702.382.605	13.702.382.605		
	- Tiền thuê đất	64.000.000	64.000.000	37.626.882	37.626.882	58,79	58,79
	Các khoản thu khác do cấp tỉnh quy định						
2	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
III	Thu chuyển nguồn			2.324.060.928	2.324.060.928		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.775.000.000	5.775.000.000	912.500.000	912.500.000	15,80	15,80
	- Thu bổ sung cân đối	5.775.000.000	5.775.000.000	912.500.000	912.500.000	15,80	15,80
	- Thu bổ sung có mục tiêu						

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2022

Biểu số 115/CK TC-NSNN

(Kèm theo Thông báo số 44/B-UBND ngày tháng 04 năm 2022)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			Thực hiện quý I năm 2022			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	ĐVT	TX	TỔNG SỐ	ĐTPT	TX	TỔNG SỐ	ĐTPT	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	38.489.831.000	32.506.000.000	5.983.831.000	884.557.226	0	884.557.226	2,30	0,00	14,78
	Trong đó:									
1	Chi dân quân tự vệ	158.684.800		158.684.800	16.807.200		16.807.200	10,59		10,59
2	Chi an ninh trật tự	168.352.800		168.352.800	24.406.200		24.406.200	14,50		14,50
3	Chi giáo dục	0	0		0					
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0	0		0					
5	Chi y tế	63.078.000		63.078.000	6.047.923		6.047.923	9,59		9,59
6	Chi văn hóa, thông tin	6.056.000.000	6.041.000.000	15.000.000	0			0,00	0,00	0,00
7	Chi phát thanh, truyền thanh	28.410.000		28.410.000	2.682.000		2.682.000	9,44		9,44
8	Chi thể dục thể thao	30.000.000		30.000.000	0			0,00		0,00
9	Chi bảo vệ môi trường	130.000.000		130.000.000	0			0,00		0,00
10	Chi các hoạt động kinh tế	9.983.000.000	9.238.000.000	745.000.000	0			0,00	0,00	0,00
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	13.189.306.400	8.899.000.000	4.290.306.400	676.271.753		676.271.753	5,13		15,76
12	Chi cho công tác xã hội	154.999.000		154.999.000	36.249.750		36.249.750	23,39		23,39
13	Chi khác	8.378.000.000	8.328.000.000	50.000.000	122.092.400		122.092.400	1,46		244,18
14	Dự phòng ngân sách	150.000.000		150.000.000	0			0,00		0,00
15	Chi chuyển nguồn NS sang năm sau	0			0					
16	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	0			0					

